**Tuần: …. Tiết PPCT: …..**

**Ngày soạn:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | 9A1 | 9A2 | 9A3 | 9A4 | 9A5 |
| **Ngày dạy** | Ghi thực tế | Ghi thực tế | Ghi thực tế | Ghi thực tế | Ghi thực tế |
| **Sĩ số** |  |  |  |  |  |
| **Vắng** |  |  |  |  |  |

**BÀI 12: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

Thời gian thực hiện: (số tiết)

**I. Mục tiêu:**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.

- Phân tích được thê' mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản; vấn để phát triển kinh tế biển.

**2. Về năng lực:**

- Phát triển năng lực nhận thức khoa học Địa lí thông qua giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên, kinh tế - xã hội.

- Phát triển năng lực tìm hiểu địa lí thông qua bản đồ, bảng số liệu,... vùng Đồng bằng sông Hồng.

**3. Về phẩm chất:**

- Thêm yêu quý và có trách nhiệm trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường,... vùng Đồng bằng sông Hồng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Đối với giáo viên:**

- Máy tính, máy chiếu, thiết bị điện tử có kết nối internet (nếu có),...

- Bản đồ hành chính Việt Nam, bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng, bản đồ kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng.

- Các thiết bị và học liệu khác có liên quan đến nội dung bài học (tranh ảnh, video, bảng số liệu,...).

**2. Đối với học sinh:**

- Bút màu

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (5 phút)**

**a) Mục đích:**

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới. Kết nối vào bài học.

**b) Cách thực hiện:**

**Bước 1:** Giao nhiệm vụ. GV cho HS chơi trò chơi Vua: Em hãy tìm tên các tỉnh, thành phố ở nước ta trong bảng sau (hàng ngang, hàng dọc, hàng chéo), và lấy bút màu tô lên đáp án mình tìm được, bạn nào tìm được nhanh nhất sẽ trở thành “VUA TÌM KIẾM”

Các tỉnh mà các e vừa tìm ra thuộc vùng nào của nước ta?

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS Quan sát bảng và bằng hiểu biết để tìm ra các tỉnh, thành phố được nhắc đến trong bảng.

**Bước 3:** HS báo cáo kết quả ( một HS trả lời, các HS khác nhận xét)

**Bước 4:** GV nhận xét phần trả lời của HS và dẫn dắt kết nối vào bài

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 2.1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ ( 10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

-Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** giao nhiệm vụ: HĐ cặp

- Quan sát hình 12.1, các cặp ngồi cạnh nhau thảo luận và thực hiện nhiệm vụ sau:

+ Đồng bằng sông Hồng có bao nhiều tỉnh, thành phố phố trực thuộc Trung ương?

+ Xác định các vùng và quốc gia tiếp giáp với ĐBSH trong bản đồ?

+ Nêu ý nghĩa của VTĐL đối với phát triển KT-XH của vùng?

**Bước 2:** HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3:** GV gọi bất kì các cặp đôi trình bày đặc điểm vị trí địa lí và nêu ý nghĩa.

**Bước 4:** GV nhận xét tổng kết nội dung

|  |
| --- |
| **NỘI DUNG HỌC TẬP**  - Vùng đồng bằng sông Hồng có diện tích hơn 21 nghìn km2.  - Gồm 11 tỉnh/ thành phố: Hà Nội, Hải Phong, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình.  - Tiếp giáp:  + Phía Bắc, Tây giáp TDMNBB  + Phía Đông Bắc giáp Trung Quốc  + Phía Nam giáp Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền trung  + Phía Đông giáp Vịnh Bắc Bộ với nhiều đảo như: Cô Tô, Cát Bà, Bạch Long Vĩ…  => Ý nghĩa: là cửa ngõ ra biển của các tỉnh trung du miền núi Bắc Bộ. Có hệ thống giao thông kết nối với các vùng trong nước và thế giới thuận lợi. Có thủ đô Hà Nội và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, là động lực thu hút nguồn lực, thúc đẩy các vùng kinh tế khác phát triển. |

***Hoạt động 2.2. Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên (15 phút)***

***(a. Thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản)***

**a) Mục tiêu:**

**-** Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- *Bước 1:* GV chia lớp thành 8 nhóm

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm hoàn thành phiếu học tập sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điểu kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên** | **Đặc điểm** | **Thế mạnh** |
| Địa hình và đất |  |  |
| Khí hậu |  |  |
| Nguồn nước |  |  |
| Sinh vật |  |  |

+ Nhóm 1, 5: Địa hình và đất

+ Nhóm 2, 6: Khí hậu

+ Nhóm 3, 7: Nguồn nước

+ Nhóm 4, 8: Sinh vật

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc ghi vào giấy nháp, GV phải quan sát theo dõi.

**Bước 3:** HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét và bổ sung đáp án.

**Bước 4:** GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG HỌC TẬP**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ĐẶC ĐIỂM | THẾ MẠNH | | Địa hình và đất | - Khu vực đồng bằng địa hình tương đối bằng phẳng, đất phù sa màu mỡ.  - Khu vực đồi núi có đất feralit,...  - Ven biển còn có đất mặn, đất phèn,... | Phát triển nông nghiệp (trồng cây lương thực, cây thực phẩm và cây ăn quả), lâm nghiệp và nuôi trồng thuỷ sản. | | Khí hậu | Nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh. | Thuận lợi cho cây trồng, vật nuôi phát triển quanh năm, tạo điều kiện để xen canh, tăng vụ, đặc biệt có thế mạnh trồng cây ưa lạnh. | | Nguồn nước | Mạng lưới sông ngòi dày đặc với hai hệ thống sông lớn là hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Thái Bình; nhiều hồ, vùng trũng. | Sản xuất nông nghiệp và nuôi trổng thuỷ sản nước ngọt. | | Sinh vật | Tài nguyên sinh vật phong phú và đa dạng. Khu vực đồi núi, ven biển, trên một số đảo có nhiều rừng. Sông và biển có nhiều thuỷ sản. | Phát triển lâm nghiệp, nuôi trồng và khai thác thuỷ sản. | |

***Hoạt động 2.2. Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên***

**b. Vấn để phát triển kinh tế biển ( 10 phút)**

**a. Mục tiêu**

Phân tích được vấn đề phát triển kinh tế biển vùng Đồng bằng sông Hồng.

**b. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1:**

GV yêu cầu cá nhân HS dựa vào hình 12.1 và thông tin mục b, hãy điền các thông tin đúng vào các ô tương ứng về phát triển kinh tế biển ở Đồng bằng Sông Hồng.

**Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi và hoàn thành nhiệm vụ nhóm

**Bước 3:** HS báo cáo kết quả làm việc

- Gọi hs bất kì trả lời.

- Các hs khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh.

- GV cần cho HS biết được một số mặt trái do phát triển kinh tế biển (ví dụ như ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên,...) và vấn đề cần chú trọng khi phát triển kinh tế biển.

- Chuẩn kiến thức:

|  |
| --- |
| **b.** **Vấn để phát triển kinh tế biển**  - Đồng bằng sông Hồng có bờ biển dài, với nhiều vũng vịnh thuận lợi để xây dựng cảng biển, phát triển giao thông vận tải đường biển.  - Nhiều đảo, bãi biển, trên một số đảo và ven biển có vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển thuận lợi phát triển du lịch,  - Có vùng biển rộng, các bãi cá bãi tôm phát triển đánh bắt và nuồi trồng thuỷ sản.  - Có một số khoáng sản như khí tự nhiên, cát thuỷ tinh, ti-tan phát triển công nghiệp khai khoáng.  - Ven biển Đồng bằng sông Hồng đã hình thành một số khu kinh tế ven biển như Vân Đồn (Quảng Ninh), Đình Vũ - Cát Hải (Hải Phòng),...  - Phát triển kinh tế biển ở ĐBSH cũng gây ra một số vấn đề về: ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên. Do vậy cần chú trọng phát triển kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển |

**3. Hoạt động luyện tập ( 4 phút)**

**a. Mục tiêu**

- Củng cố kiến thức bài học.

**b. Cách thức tổ chức**

**Bước 1**: Giao nhiệm vụ cho học sinh: Trò chơi TẤM THẺ KÌ DIỆU

Nhiệm vụ: Gồm 4 câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm. Với mỗi câu hỏi, các đội chơi sẽ có thời gian 10 giây để đưa ra đáp án của mình.

Câu 1. Vùng Đồng bằng sông Hồng không tiếp giáp với

A. Tây Nguyên B. Bắc Trung Bộ

C. Tiểu vùng Đông Bắc D. Tiểu vùng Tây Bắc

Câu 2. Vùng Đồng bằng sông Hồng bao gồm?

A. 10 tỉnh, tp B. 11 tỉnh, tp C. 12 tỉnh, tp D. 13 tỉnh, tp

Câu 3. Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở vùng Đồng bằng sông Hồng?

A. Đất feralit B. Đất phèn C. Đất mặn D. Đất phù sa

Câu 4. Đặc điểm nào sau đây **không** phải của vùng Đồng bằng sông Hồng??

A. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh.

B. Có tiềm năng để phát triển kinh tế biển.

C. Có tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng.

D. Dân cư đông đúc, nguồn lao động dồi dào.

Đáp án: 1-A, 2-B, 3-D, 4-C,

**Bước 2**: Thực hiện nhiệm vụ

- HS dựa vào kiến thức đã học trong bài để trả lời câu hỏi.

**Bước 3**: Báo cáo kết quả làm việc

- GV yêu cầu một vài HS/nhóm trình bày câu trả lời, các HS khác lắng nghe, bổ sung.

**Bước 4:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

**4. Hoạt động vận dụng ( 1 phút)**

**a. Mục tiêu**

- Vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu vấn đề trong thực tiễn.

**b. Cách thức tổ chức**

**Bước 1:** Giao nhiệm vụ: Tìm hiểu tư liệu và giới thiệu về khu kinh tế ven biển : Vân Đồn (Quảng Ninh), Đình Vũ – Cát Hải (Hải Phòng),...

**Bước 2**: Thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3**: Báo cáo kết quả làm việc vào tuần học tiếp theo.

**V. Rút kinh nghiệm**

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà.**

- Tìm hiểu mục 3, 4.

**PHIẾU BÀI TẬP**

**I. Trắc nghiệm**

***Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án đúng***

**Câu 1. Diện tích đồng bằng sông Hồng là:**

A.Hơn 20 nghìn km2.B.Hơn 21 nghìn km2.

C.Hơn 22 nghìn km2.D.Hơn 23 nghìn km2.

**Câu 2. Khu vực đồi núi vùng Đồng Bằng Sông Hồng thích hợp trồng cây gì?**

1. Trồng rừng, cây công nghiệp, cây dược liệu .
2. Cây lương thực, thực phẩm

C. Cây cận nhiệt.

D. Cây cận nhiệt, cây thực phẩm .

**Câu 3. Hai hệ thống sông lớn ở Đồng bằng Sông Hồng là**

A. Hệ thống sông Hồng và Sông Đà.

B. Hệ thống sông Cửu Long và sông Sài Gòn .

C. Hệ thống sông Ba và Sông Thương .

D. Hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.

**Câu 4. Đâu là khu kinh tế ven biển ở Đồng bằng Sông Hồng**?

A. Vũng Áng. B. Chân Mây- Lăng Cô.

C. Đình Vũ- Cát Hải. D. Vân Phong .

**Câu 5. Đồng bằng Sông Hồng có nhiều đảo, bãi biển, trên một số đảo và ven biển có vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển thuận lợi cho phát triển ngành nào?**

A. Giao thông vận tải biển. B. Du lịch .

C. Xây dựng cảng biển. D. Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản

**Câu 6. Khí hậu vùng Đồng bằng Sông Hồng là**

A. Nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh.

B. Cận xích đạo.

C. Nhiệt đới gió mùa trên núi .

D. Xích đạo, nóng ẩm quanh năm.

**Câu 7. Vùng Đồng bằng sông Hồng không tiếp giáp với**

A. Tây Nguyên B. Bắc Trung Bộ

C. Tiểu vùng Đông Bắc D. Tiểu vùng Tây Bắc

**Câu 8. Vùng Đồng bằng sông Hồng bao gồm?**

A. 10 tỉnh, tp B. 11 tỉnh, tp C. 12 tỉnh, tp D. 13 tỉnh, tp

**Câu 9. Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở vùng Đồng bằng sông Hồng?**

A. Đất feralit B. Đất phèn C. Đất mặn D. Đất phù sa

**Câu 10. Đặc điểm nào sau đây không phải của vùng Đồng bằng sông Hồng?**

A. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh.

B. Có tiềm năng để phát triển kinh tế biển.

C. Có tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng.

D. Dân cư đông đúc, nguồn lao động dồi dào.

**II. Tự luận**

**Câu 11. Phân tích vấn đề phát triển kinh tế biển ở Đồng bằng Sông Hồng?**

**Hướng dẫn trả lời**

**I. Trắc nghiệm**

**BẢNG ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.B** | **2.A** | **3. D** | **4. C** | **5. B** | **6. A** | **7. A** | **8. B** | **9. D** | **10.** C |

**II. Tự luận**

**Câu 11. Trả lời**

- Đồng bằng sông Hồng có bờ biển dài, với nhiều vũng vịnh thuận lợi để xây dựng cảng biển, phát triển giao thông vận tải đường biển.

- Nhiều đảo, bãi biển, trên một số đảo và ven biển có vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển thuận lợi phát triển du lịch,

- Có vùng biển rộng, các bãi cá bãi tôm phát triển đánh bắt và nuồi trồng thuỷ sản.

- Có một số khoáng sản như khí tự nhiên, cát thuỷ tinh, ti-tan phát triển công nghiệp khai khoáng.

- Ven biển Đồng bằng sông Hồng đã hình thành một số khu kinh tế ven biển như Vân Đồn (Quảng Ninh), Đình Vũ - Cát Hải (Hải Phòng),...